

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI MÔ HÌNH BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG TƯ VẤN TÂM LÝ CHO GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG

RESULTS OF IMPLEMENTING THE CULTIVATING MODEL OF PSYCHOLOGICAL COUNSELING SKILLS FOR HEAD TEACHERS AT SECONDARY SCHOOLS IN KIEN GIANG PROVINCE

Hoàng Thế Hải¹, Lê Quang Sơn²

¹Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng; *hthai@ued.udn.vn*

²Đại học Đà Nẵng; *lqson@ued.udn.vn*

Tóm tắt - Bài viết đề cập tới kết quả triển khai mô hình và các biện pháp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm tỉnh các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. 182 giáo viên chủ nhiệm ở 5 trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đã tham gia tập huấn bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho học sinh. Kết quả cho thấy, kỹ năng tư vấn tâm lý của giáo viên có sự thay đổi rõ rệt theo hướng tích cực. Trong đó, mặt nhận thức có sự thay đổi tích cực hơn mặt thực hiện kỹ năng. Điều này cho thấy, mô hình và các biện pháp bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm các trường trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được đề xuất và đưa vào triển khai thực nghiệm có tính hiệu quả và khả thi. Đây là cơ sở để triển khai nhân rộng mô hình cho các địa phương khác của tỉnh Kiên Giang.

Từ khóa - Kỹ năng tư vấn tâm lý; học sinh trung học cơ sở; giáo viên chủ nhiệm; Kiên Giang

Abstract - The article mentions the results of implementing the model and the measures to cultivate psychological counseling skills for head teachers at secondary schools in Kien Giang province. 182 homeroom teachers from 5 middle schools in Kien Giang province participated in the training course to cultivate psychological counseling skills for students. The results show that, teachers' psychological counseling skills have changed significantly in a positive direction. Particularly, the perception side has a more positive change than the skill execution side. This shows that models and measures to develop psychological counseling skills for head teachers at secondary schools in Kien Giang province are proposed and put into practice to be effective and feasible. This is the basis for replicating the model for other localities of Kien Giang province.

Key words - Psychological counseling skills; secondary students; head teacher; Kien Giang

1. Đặt vấn đề

Học sinh (HS) trung học cơ sở (THCS) đang ở thời kỳ biến đổi tâm lý phức tạp để từng bước phát triển, hoàn thiện nhân cách, có sự mất cân bằng trong sự phát triển thể chất với tâm lý và xã hội. Sự mất cân bằng trong quá trình phát triển tâm sinh lý đã góp phần làm cho HS ở lứa tuổi này gặp khó khăn khi kiểm soát cảm xúc và hành vi của mình. Các em dễ bị chi phối và tác động rất nhiều bởi yếu tố bên ngoài nhà trường, xã hội như môi trường văn hóa thiếu lành mạnh, trò chơi bạo lực và những mặt trái của Internet, ... [1]. Vì vậy, công tác tư vấn tâm lý (TVTL) học đường có vai trò vô cùng quan trọng, hỗ trợ HS rèn luyện kỹ năng sống, tăng cường ý chí, niềm tin, bản lĩnh, có thái độ ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội và hoàn thiện nhân cách; Đồng thời phát hiện, tư vấn giúp HS có hướng giải quyết phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra. Để hoạt động tư vấn tâm lý trong nhà trường có hiệu quả đòi hỏi những giáo viên chủ nhiệm (GVCN) không chỉ có đủ thời gian, đủ kiên nhẫn, đủ bản lĩnh, đủ tình thương mà quan trọng hơn cả là có kỹ năng TVTL để có thể lắng nghe, thấu hiểu, chia sẻ và định hướng cho các em cách giải quyết những vấn đề khó khăn trong cuộc sống.

Kết quả nghiên cứu kỹ năng TVTL của GVCN trên địa bàn tỉnh Kiên Giang cho thấy, kỹ năng TVTL của GVCN mới chỉ đạt được ở mức độ trung bình, điều này hạn chế hiệu quả hỗ trợ tâm lý cho HS. Vì vậy, nghiên cứu đề xuất mô hình và các biện pháp phát triển kỹ năng TVTL cho giáo viên. Các mô hình và biện pháp này được triển khai

tập huấn bồi dưỡng cho 182 GVCN ở 5 trường THCS trên địa bàn. Kết quả thu được sau tập huấn có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Tư vấn tâm lý học đường

Tư vấn tâm lý cho HS là sự hỗ trợ tâm lý, giúp học sinh nâng cao hiểu biết về bản thân, hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ xã hội, từ đó tăng cảm xúc tích cực, tự đưa ra quyết định trong tình huống khó khăn học sinh gặp phải khi đang học tại nhà trường [2].

2.2. Kỹ năng tư vấn tâm lý

Kỹ năng TVTL là sự vận dụng kinh nghiệm, tri thức chuyên môn của nhà tư vấn vào trợ giúp học sinh nâng cao năng lực tự giải quyết vấn đề khó khăn, vướng mắc trong cuộc sống.

Kỹ năng TVTL được chia thành 2 nhóm: (1) Nhóm các kỹ năng tư vấn tâm lý cơ bản: Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát, kỹ năng hỏi, kỹ năng thấu cảm, kỹ năng xử lý tình huống im lặng; (2) Nhóm các kỹ năng tư vấn tâm lý chuyên biệt: Kỹ năng tiếp cận thân chủ/ phát hiện sớm, kỹ năng đánh giá tâm lý, kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động TVTL, kỹ năng phối hợp các lực lượng hỗ trợ thân chủ, kỹ năng lập và lưu trữ hồ sơ tâm lý [3].

2.3. Nhiệm vụ tư vấn tâm lý của GVCN ở trường THCS

Nhiệm vụ tư vấn tâm lý của GVCN ở trường THCS được quy định cụ thể ở điều lệ trường trung học: Giáo viên làm công tác tư vấn cho HS là giáo viên trung học được

đào tạo hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ tư vấn; có nhiệm vụ tư vấn cho cha mẹ HS và HS để giúp các em vượt qua những khó khăn gặp phải trong học tập và sinh hoạt [4].

2.4. Mô hình bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm các trường trung học cơ sở

Mô hình hoạt động tư vấn tâm lý tại các trường THCS cần toàn diện, có sự liên kết với các lực lượng khác nhau trong việc thực hiện hoạt động TVTL (CASP-I, 2011) [5]. Mô hình này gồm quy trình như sau:

- Bước 1: Giáo viên phát hiện vấn đề của HS;
 - Bước 2: Đánh giá sơ bộ vấn đề của HS;
 - Bước 3: Tham khảo chuyên gia/ giáo viên có kinh nghiệm;
 - Bước 4: Lập kế hoạch hỗ trợ cá nhân HS;
 - Bước 5: Tư vấn học sinh;
 - Bước 6: Sự giám sát của tổ hỗ trợ HS trong nhà trường.
- Cách thức thực hiện mô hình:

(1) Phân tích cụ thể thực trạng tình hình thực tiễn tại nhà trường bao gồm: Nguồn lực giáo viên, nguồn lực cơ sở vật chất, nguồn lực về chính sách hỗ trợ;

(2) Xây dựng mô hình hoạt động TVTL tại các trường THCS có mô tả, hướng dẫn cụ thể cách thức thực hiện. Mô hình này cần phù hợp với thực tiễn hoạt động giáo dục của trường cũng như các điều kiện về cơ sở vật chất;

(3) Hướng dẫn cho giáo viên và những người liên quan việc thực hiện triển khai mô hình;

(4) Triển khai thực hiện cụ thể mô hình hoạt động TVTL tại các trường THCS. Trong quá trình này có sự trao đổi cụ thể giữa GVCN với nhau, GVCN với các lực lượng giáo dục khác;

(5) Đánh giá hiệu quả thực hiện mô hình.

- Nội dung bồi dưỡng kỹ năng TVTL cho HS của GVCN:

1. Khái quát chung về tham vấn học đường và kỹ thuật cân bằng bản thân.
2. Quy trình tư vấn và kỹ năng xây dựng niềm tin ban đầu, xác định vấn đề trọng tâm trong TVTL học đường.
3. Kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng thấu cảm, kỹ năng xử lý tình huống im lặng và cách lưu trữ hồ sơ TVTL.
- 4: Thực hành TVTL cho trường hợp cụ thể.

3. Thực nghiệm mô hình bồi dưỡng kỹ năng tư vấn tâm lý cho GVCN các trường THCS

3.1. Khách thể thực nghiệm

Mẫu tiến hành thực nghiệm được lựa chọn dựa trên phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng 182 GVCN thuộc 5 trường THCS tại tỉnh Kiên Giang. Cụ thể:

Bảng 1. Đặc điểm khách thể thực nghiệm

Trường học	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Lê Quý Đôn	36	19,8
Thanh Yên	26	14,3
Mai Thị Hồng Hạnh	39	21,4
Đông Hồ	38	20,9
Dương Đông I	43	23,6

3.2. Quy trình, hình thức, phương pháp thực nghiệm

- Quy trình thực nghiệm:

Để thực hiện hoạt động thực nghiệm bồi dưỡng kỹ năng TVTL cho GVCN, hoạt động được tiến hành theo quy trình sau:

Bước 1. Lựa chọn GVCN đi tập huấn bồi dưỡng

Bước 2. GVCN được cung cấp các thông tin về mô hình trước quá trình bồi dưỡng.

Bước 3. Chuyên gia (có chuyên môn Tâm lý-giáo dục) đến tập huấn trực tiếp với mô hình tập trung vào thực hành rèn luyện kỹ năng TVTL.

Bước 4. Đánh giá mức độ hình thành năng lực và tổ chức hỗ trợ và giám sát đồng đẳng, giám sát gián tiếp.

Bước 5. Đánh giá hiệu quả của quá trình độc lập thực hiện.

Bước 6. Theo dõi và hỗ trợ.

- Hình thức tổ chức thực hiện: Chương trình bồi dưỡng kỹ năng TVTL cho GVCN là tập trung, trực tiếp tại cơ sở trường học đã được lựa chọn trên địa bàn tỉnh Kiên Giang và được tổ chức theo hoạt động của từng module kiến thức, kỹ năng. Sau thời gian được bồi dưỡng, tổ chức hình thức gián tiếp để hỗ trợ rèn luyện hình thành kỹ năng TVTL cho GVCN.

- Phương pháp bồi dưỡng: Phương pháp thuyết trình, trải nghiệm, sắm vai, làm việc nhóm. Ngoài ra, còn có các hoạt động thư giãn, kích hoạt não làm tăng cường sự hứng thú, đạt trạng thái cân bằng khi ở trong môi trường của lớp tập huấn.

3.3. Thời gian, đội ngũ, tài liệu thực nghiệm

- Thời gian: Được tổ chức 2 ngày tại các cơ sở trường học được lựa chọn tập huấn chương trình bồi dưỡng kỹ năng TVTL cho GVCN bậc THCS.

- Đội ngũ: Tham gia thực hiện chương trình tập huấn gồm 10 cán bộ giảng viên Khoa Tâm lý - Giáo dục có trình độ chuyên môn từ Thạc sĩ Tâm lý học trở lên, có kinh nghiệm trong giảng dạy, tập huấn và thực hành tư vấn tâm lý, đồng thời đã được tập huấn nội bộ để lĩnh hội chương trình và tổ chức thực hiện chương trình. Mỗi một điểm trường có 2 cán bộ giảng viên phụ trách hỗ trợ lẫn nhau thực hiện tổ chức tập huấn.

- Tài liệu và học liệu: Tài liệu tập huấn được xây dựng dựa trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn, đáp ứng từng nội dung chương trình bồi dưỡng kỹ năng TVTL cho GVCN bậc THCS. Tài liệu được in và phát ra cho GVCN tham gia tập huấn cùng các học liệu và phương tiện hỗ trợ thực hiện chương trình tập huấn như: tài liệu phát tay, giấy A0, bút dạ, giấy note dán tường, máy chiếu, loa đài...

3.4. Phương pháp và công cụ đánh giá kết quả thực nghiệm

- Phương pháp đánh giá:

Để đánh giá mức độ nhận thức về các kỹ năng TVTL của GVCN trước và sau thực nghiệm bằng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi và xử lý tình huống giả định. Ngoài ra, còn sử dụng các phương pháp bổ trợ như quan sát, phỏng vấn.

- Công cụ đánh giá:

Nghiên cứu sử dụng bảng hỏi gồm 30 câu hỏi thuộc 2 nhóm kỹ năng: Kỹ năng TVTL cơ bản (lắng nghe, quan sát,

đặt câu hỏi, thấu cảm, xử lý tình huống im lặng) và nhóm kỹ năng TVTL chuyên biệt (tiếp cận HS có nhu cầu tư vấn, đánh giá tâm lý HS, xây dựng và tổ chức các hoạt động TVTL, phối hợp các lực lượng giáo dục, lập và lưu trữ hồ sơ tâm lý của HS). Các phát biểu về nhận thức các kỹ năng TVTL trên Likert 5 điểm (1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Phân vân; 4- Đồng ý; 5- Hoàn toàn đồng ý).

Để đánh giá mức độ thực hiện các kỹ năng TVTL của GVCN, nghiên cứu sử dụng 10 tình huống giả định thuộc 2 nhóm kỹ năng TVTL cơ bản và kỹ năng TVTL chuyên biệt, mỗi tình huống tương ứng với mỗi kỹ năng cụ thể. Điểm tối đa cho mỗi tình huống là 3 điểm.

Thông tin thu thập được từ điều tra bằng bảng hỏi và xử lý tình huống giả định đã được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0. Các phương pháp xử lý số liệu được sử dụng như sau: thống kê mô tả một biến, thống kê trung bình...

4. Kết quả nghiên cứu và bình luận

4.1. Nhận thức của giáo viên chủ nhiệm về các kỹ năng tư vấn tâm lý

Sử dụng phân tích Paired Samples T-Test để đánh giá

Bảng 2. Nhận thức của giáo viên chủ nhiệm về các kỹ năng tư vấn tâm lý trước và sau tập huấn

STT	Nhóm kỹ năng	N	Trước tập huấn ($M \pm SD$)	Sau tập huấn ($M \pm SD$)	p
Nhóm kỹ năng tư vấn tâm lý cơ bản					
1	Kỹ năng lắng nghe	182	2,39±0,59	4,13±0,53	0,00
2	Kỹ năng quan sát	182	2,66±0,49	4,22±0,47	0,00
3	Kỹ năng đặt câu hỏi	182	2,82±0,50	4,15±0,51	0,00
4	Kỹ năng thấu cảm	182	2,66±0,43	4,28±0,51	0,00
5	Kỹ năng xử lý tình huống im lặng	182	2,80±0,42	4,14±0,57	0,00
Nhóm kỹ năng tư vấn tâm lý chuyên biệt					
6	Kỹ năng tiếp cận HS có nhu cầu tư vấn/ KN phát hiện sớm	182	2,79±0,48	4,10±0,58	0,00
7	Kỹ năng đánh giá tâm lý HS	182	2,68±0,42	4,06±0,61	0,00
8	Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động TVTL	182	2,63±0,34	4,04±0,67	0,00
9	Kỹ năng phối hợp các lực lượng giáo dục	182	2,25±0,48	4,06±0,44	0,00
10	Kỹ năng lập và lưu trữ hồ sơ tâm lý của HS	182	2,52±0,45	4,03±0,67	0,00

Ghi chú: M = Điểm trung bình; $1 \leq M \leq 5$, SD = Độ lệch chuẩn; p = Mức ý nghĩa; Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019

4.2. Mức độ thực hiện các kỹ năng tư vấn tâm lý của giáo viên chủ nhiệm

Để đánh giá sự thay đổi mức độ thực hiện các kỹ năng TVTL thông qua xử lý tình huống giả định của GVCN ở các trường THCS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trước và sau tập huấn, chúng tôi sử dụng phân tích Paired Samples T-Test. Kết quả (Bảng 3) cho thấy, điểm trung bình sau tập huấn ở một các kỹ năng TVTL của GVCN có sự thay đổi đáng kể so với trước tập huấn. Cụ thể: “Kỹ năng lắng nghe”, “kỹ năng quan sát”, “kỹ năng đặt câu hỏi”, “kỹ năng tiếp cận HS có nhu cầu tư vấn/Kỹ năng phát hiện sớm”, “Kỹ năng đánh giá tâm lý HS”, “Kỹ năng phối hợp các lực lượng giáo dục” có điểm trung bình cao hơn rõ rệt so với trước tập huấn ($p < 0,05$). Trong đó, “kỹ năng lắng nghe” có điểm trung bình tăng cao nhất (chênh lệch $M = 1,83$) trong số các kỹ năng TVTL. Điều này do phần lớn giáo viên đã nhận thức tốt kỹ năng này là gì, làm nền tảng cho việc thực hiện kỹ năng có kết quả. Mặt khác, đây

sự thay đổi mức độ nhận thức về các kỹ năng TVTL của GVCN ở các trường THCS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trước và sau tập huấn, kết quả (Bảng 2) cho thấy, điểm trung bình sau tập huấn ở tất cả các kỹ năng TVTL của GVCN cao hơn so với trước tập huấn ($p < 0,05$). Mức độ thay đổi khá cao, từ mức “trung bình” tăng lên “khá”. Trong đó, “kỹ năng tiếp cận HS có nhu cầu tư vấn” có điểm trung bình tăng thấp nhất (chênh lệch $M = 1,30$), “kỹ năng lắng nghe” có điểm trung bình tăng cao nhất (chênh lệch $M = 1,74$) trong số các kỹ năng TVTL. Kết quả này là do kỹ năng lắng nghe được đánh giá là nhóm kỹ năng đơn giản, được giáo viên thường xuyên sử dụng trong hoạt động dạy học và giáo dục học sinh... nên dễ nhận diện. Trong khi đó, kỹ năng tiếp cận học sinh có nhu cầu tư vấn được đánh giá là nhóm kỹ năng khó. Yêu cầu giáo viên phải vận dụng tri thức, kinh nghiệm để tìm tòi những dấu hiệu cho thấy học sinh có vấn đề hành vi, cảm xúc cần phải được trợ giúp hoặc những vấn đề khó khăn của học sinh toàn trường cần được can thiệp kịp thời; đồng thời dự đoán được những khó khăn tâm lý của HS để đưa ra những lời khuyên hữu ích... nên khó nhận diện.

cũng là kỹ năng tương đối dễ thực hiện, chủ yếu đòi hỏi giáo viên tập trung chú ý vào vấn đề thân chủ đang trình bày; Quan sát và nhận biết được hành vi, cử chỉ, cảm xúc của thân chủ; Đưa ra những phản hồi phù hợp về nội dung thân chủ đã trình bày và những cảm xúc của họ hoặc đặt câu hỏi để làm rõ hoặc gợi mở cho thân chủ tiếp tục trình bày; Nhấn mạnh hay mở rộng những điều thân chủ nói; sử dụng những khích lệ bằng lời nói và những đáp ứng không lời để thể hiện sự quan tâm, thấu hiểu thân chủ... nên đây là nhóm kỹ năng có điểm thực hiện cao nhất. Các kỹ năng còn lại không có sự thay đổi hoặc sự thay đổi là không rõ rệt ($p > 0,5$). Nguyên nhân do đây là các nhóm kỹ năng tương đối khó, để thực hiện được các kỹ năng này đòi hỏi giáo viên không chỉ có kiến thức về tâm lý lứa tuổi, sức khỏe tâm thần, tư vấn tâm lý... mà còn phải vận dụng nhiều kỹ năng khác như quan sát, lắng nghe, đặt câu hỏi, phản hồi, xử lý tình huống im lặng, đánh giá tâm lý HS, lập kế hoạch tư vấn ...

Bảng 3. Thực hiện kỹ năng tư vấn tâm lý thông qua xử lý tình huống của giáo viên chủ nhiệm trước và sau tập huấn

STT	Nhóm kỹ năng	N	Trước tập huấn (M±SD)	Sau tập huấn (M±SD)	p
Nhóm kỹ năng tư vấn tâm lý cơ bản					
1	Kỹ năng lắng nghe	182	1,05±0,31	2,88±0,32	0,00
2	Kỹ năng quan sát	182	1,57±0,57	2,43±0,57	0,00
3	Kỹ năng đặt câu hỏi	182	1,24±0,66	2,95±0,22	0,00
4	Kỹ năng thấu cảm	182	2,60±0,68	2,54±0,76	0,16
5	Kỹ năng xử lý tình huống im lặng	182	2,92±0,38	2,92±0,38	1,00
Nhóm kỹ năng tư vấn tâm lý chuyên biệt					
6	Kỹ năng tiếp cận HS có nhu cầu tư vấn/ Kỹ năng phát hiện sớm	182	2,69±0,72	2,71±0,68	0,04
7	Kỹ năng đánh giá tâm lý HS	182	2,69±0,48	2,42±0,90	0,00
8	Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động TVTL	182	2,09±0,40	2,05±0,56	0,57
9	Kỹ năng phối hợp các lực lượng giáo dục	182	1,06±0,28	2,05±0,85	0,00
10	Kỹ năng lập và lưu trữ hồ sơ tâm lý của HS	182	2,93±0,32	2,93±0,32	1,00

Ghi chú: M = Điểm trung bình; $1 \leq M \leq 3$, SD = Độ lệch chuẩn; p=Mức ý nghĩa; Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019

4.3. Thực trạng kỹ năng tư vấn tâm lý chung của GVCN

Để đánh giá kỹ năng TVTL chung của GVCN, Nhóm tác giả tổng hợp điểm của các mặt: nhận thức về các kỹ năng TVTL, thực hiện các kỹ năng TVTL thông qua xử lý tình huống giả định. Kết quả như Bảng 4.

Sử dụng kiểm định Paired Samples T-Test để so sánh kết quả tổng hợp các kỹ năng TVTL chung của giáo viên chủ nhiệm ở các trường THCS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trước và sau tập huấn. Kết quả (Bảng 4) cho thấy, điểm trung bình các kỹ năng TVTL của GVCN sau tập huấn cao hơn rõ rệt so với trước tập huấn ($p < 0,5$). Trong đó, “kỹ năng đánh giá tâm lý HS” có điểm trung bình tăng thấp nhất. Đây được xem là kỹ năng tương đối khó hình thành. Để thực hiện được kỹ năng này đòi hỏi giáo viên vận dụng tri thức, kinh nghiệm để thu thập những dữ liệu chính xác về đặc điểm tâm lý của HS (năng lực, tính cách, điểm mạnh, điểm yếu, mức độ khó khăn tâm lý...) để có kế hoạch trợ giúp kịp thời và hiệu quả; sự vận dụng tri thức, kinh nghiệm vào việc xác định những điểm không phù hợp về

hành vi và cảm xúc của HS; khả năng đánh giá kết quả can thiệp hành vi và sức khoẻ tâm thần. Mặt khác, HS THCS đang ở trong giai đoạn phát triển tâm lí và nhận thức xã hội không cân bằng với phát triển sinh học. Sự mất cân bằng trong quá trình phát triển tâm sinh lý đã góp phần làm cho HS ở lứa tuổi này gặp khó khăn khi kiểm soát cảm xúc và hành vi của mình. Vì vậy, để đánh giá được đặc điểm tâm lý của các em đòi hỏi người giáo viên không chỉ có kiến thức về tâm lý học lứa tuổi, kỹ năng tìm hiểu và đánh giá tâm lý HS; mà còn đòi hỏi phải có kinh nghiệm và gần gũi với các em. Điều này không phải giáo viên nào cũng có thể hình thành được trong thời gian ngắn. Ngược lại, “kỹ năng lắng nghe” có điểm trung bình tăng cao nhất (chênh lệch $M = 1,78$) trong số các kỹ năng TVTL. Có sự thay đổi lớn trong thời gian ngắn như thế là do đây là kỹ năng được đánh giá dễ hiểu và vận dụng nhất trong số các kỹ năng TVTL cho HS. Kết quả này cho thấy tính hiệu quả và khả thi của mô hình và các biện pháp phát triển kỹ năng TVTL cho GVCN ở các trường THCS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang mà nhóm nghiên cứu đã thực hiện.

Bảng 4. Kỹ năng tư vấn tâm lý chung của giáo viên chủ nhiệm trước và sau tập huấn

STT	Nhóm kỹ năng	N	Trước tập huấn (M±SD)	Sau tập huấn (M±SD)	p
Nhóm kỹ năng tư vấn tâm lý cơ bản					
1	Kỹ năng lắng nghe	182	1,72±0,32	3,50±0,32	0,00
2	Kỹ năng quan sát	182	2,11±0,38	3,32±0,37	0,00
3	Kỹ năng đặt câu hỏi	182	2,03±0,39	3,54±0,29	0,00
4	Kỹ năng thấu cảm	182	2,62±0,39	3,41±0,47	0,00
5	Kỹ năng xử lý tình huống im lặng	182	2,86±0,27	3,53±0,32	0,00
Nhóm kỹ năng tư vấn tâm lý chuyên biệt					
6	Kỹ năng tiếp cận học sinh có nhu cầu tư vấn/ Kỹ năng phát hiện sớm	182	2,74±0,44	3,40±0,44	0,00
7	Kỹ năng đánh giá tâm lý HS	182	2,68±0,32	3,24±0,52	0,00
8	Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động TVTL	ch	2,36±0,26	3,05±0,45	0,00
9	Kỹ năng phối hợp các lực lượng giáo dục	182	1,65±0,27	3,05±0,53	0,00
10	Kỹ năng lập và lưu trữ hồ sơ tâm lý của HS	182	2,72±0,26	3,48±0,38	0,00

Ghi chú: M = Điểm trung bình; $1 \leq M \leq 4$, SD = Độ lệch chuẩn; p=Mức ý nghĩa; Nguồn: Số liệu điều tra năm 2019

5. Kết luận

Đề đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục thì phải quan tâm chăm sóc đời sống và sức khỏe tâm thần cho học sinh để giảm thiểu những khó khăn tâm lý, phát huy tối đa tiềm năng cá nhân người học. Chính vì vậy, các dịch vụ tham vấn hướng nghiệp, tham vấn khủng hoảng học đường, tham vấn sức khỏe tâm thần trường học... đã và đang trở thành nhu cầu xã hội cấp bách. Tuy nhiên, một hạn chế lớn trong thực tiễn triển khai công tác tham vấn, tư vấn học đường chính là nguồn nhân lực có đủ trình độ và kỹ năng. So với các địa phương khác, vấn đề này ở Kiên Giang còn đáng lo ngại hơn. Hiện hầu hết các nhà trường trên địa bàn tỉnh chưa có cán bộ chuyên trách làm công tác TVTL. Đội ngũ công tác TVTL trong nhà trường chủ yếu là GVCN hay cán bộ chuyên trách tại các phòng ban. Bên cạnh đó, mặc dù hàng năm, đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm công tác TVTL đều được tập huấn nâng cao trình độ nhưng nội dung tài liệu tập huấn còn chưa chuẩn hóa. Cán bộ tập huấn không phải là chuyên gia TVTL học đường có nhiều kinh nghiệm thực tế làm hạn chế năng lực tư vấn của đội ngũ này.

Việc nghiên cứu đề xuất mô hình và các biện pháp bồi dưỡng kỹ năng TVTL cho GVCN các trường THCS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang là giải pháp then chốt để giải quyết vấn đề này. Kết quả nghiên cứu cho thấy, sau khi triển khai mô hình và các biện pháp bồi dưỡng kỹ năng TVTL cho GVCN ở một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, các mặt của kỹ năng TVTL của GVCN có sự thay

đổi rõ rệt theo chiều hướng tích cực. Trong đó, mặt nhận thức có sự thay đổi lớn nhất, mặt thực hiện kỹ năng cũng có sự thay đổi, song so với nhận thức thì mức độ thấp hơn. Tổng hợp kỹ năng TVTL chung của GVCN cũng cho thấy sự thay đổi rõ rệt sau bồi dưỡng. Trong đó, “kỹ năng lắng nghe” thay đổi rõ rệt nhất, “kỹ năng đánh giá tâm lý HS” thay đổi không đáng kể. Điều này cho thấy, các mô hình và biện pháp phát triển kỹ năng TVTL cho GVCN các trường THCS trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được đề xuất và đưa vào triển khai thực nghiệm có tính hiệu quả và khả thi. Đây là cơ sở để triển khai nhân rộng mô hình cho các giáo viên bộ môn khác, cũng như toàn tỉnh Kiên Giang và cho các địa phương khác.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] N.T. Huyền, “Giáo dục phòng, chống bắt nạt học đường cho học sinh các trường trung học cơ sở”, *Tạp chí Giáo dục*, 2, 2019, 115-120.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo. “Chương trình bồi dưỡng thường xuyên giáo viên THCS”, Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT- BGDDĐT ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [3] T.T.M. Đức, *Giáo trình tư vấn tâm lý*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2007.
- [4] Bộ giáo dục và Đào tạo, “Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học, Ban hành kèm theo thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [5] N.T.T Anh, “Nghiên cứu đề xuất mô hình hỗ trợ tâm lý học đường tại các trường THCS thành phố Đà Nẵng: thí điểm tại trường THCS Tây Sơn”. Đề tài khoa học và công nghệ cấp Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, Mã số T2014-03-31, năm 2014.

(BBT nhận bài: 25/7/2020, hoàn tất thủ tục phản biện: 25/8/2020)